

Bản án số: **144/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 20/12/2021.

V/v Tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Nguyễn Văn Tám**.

+ Ông **Lý Minh Hùng**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Quốc Hiến** – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 20 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 260/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Hương X**, sinh năm 1998 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: Anh **Lê Tấn Đ**, sinh năm 1994 (vắng mặt).

ĐKKHKT: Ấp N, xã M, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 07/4/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hương X trình bày:*

- Chị với anh Lê Tấn Đ cưới nhau năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Anh chị chung sống hạnh phúc thời gian đầu đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, vợ chồng thường xảy ra xung đột, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nên đã ly thân từ đó đến nay không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Anh chị có hai con chung tên Lê Nguyễn Bảo N, sinh ngày 04/5/2017 và Lê Nguyễn Khang V, sinh ngày 16/8/2019. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ/1 con chung.

-Về tài sản chung; nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Lê Tấn Đ dù được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu xin ly hôn của chị X và được triệu tập hợp lệ đến Tòa để giải quyết vụ án nhiều lần, nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì về việc vắng mặt của anh cũng như yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị X có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc hôn nhân của chị với anh Lê Tấn Đ, anh Đ có địa chỉ tại ấp N, xã M, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a, khoản 1 Điều 35; Điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đối với anh Lê Tấn Đ dù được Tòa án thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu xin ly hôn của chị X và được triệu tập hợp lệ đến Tòa để giải quyết vụ án nhiều lần, nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì về việc vắng mặt của anh, cũng như yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị X. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Đ. Đối với chị X có đơn xin Tòa án xét xử vụ án vắng mặt chị. Nhận thấy đơn xin vắng mặt của chị X là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vụ án vắng mặt chị X.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị X và anh Đ cưới nhau năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện Cái Bè. Anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay. Theo chị X khai là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xảy ra xung đột nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Do anh Đ không chăm lo gia đình vợ con. Nay chị không còn tình cảm với anh Đ nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Xét thấy chị X và anh Đ cưới nhau năm 2016 có đăng ký kết hôn nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống đến năm 2020 thì ly thân, từ đó đến nay anh chị cũng không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án chị X cương quyết ly hôn, còn anh Đ vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị X, xem như anh Đ từ bỏ việc bảo vệ quyền lợi cho anh. Nhận thấy mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được,

đời sống chung không thể kéo dài. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị X cho chị được ly hôn với anh Đ là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Anh chị có hai con chung tên Lê Nguyễn Bảo N, sinh ngày 04/5/2017 và Lê Nguyễn Khang V, sinh ngày 16/8/2019 theo chị X khai là từ khi ly thân đến nay chị là người trực tiếp nuôi con chung. Khi ly hôn chị X yêu cầu tiếp tục nuôi hai con chung. Nhận thấy từ khi ly thân đến nay chị X là người nuôi con chung đã ổn định, hai con chung của anh chị phát triển bình thường. Mặt khác con chung anh chị tên Lê Nguyễn Khang V đến nay chưa đủ 36 tháng tuổi. Còn anh Đ cũng không có ý kiến gì về việc nuôi con chung nếu anh chị ly hôn. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của chị X là giao hai con chung của anh chị cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Xét yêu cầu cấp dưỡng của chị X: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay. Chị X có yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ/1 con chung. Còn anh Đ cũng không có ý kiến gì về việc cấp dưỡng. Nhận thấy chị X là người nuôi con chung thì anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên chị X khai anh Đ cũng không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập không cao. Mặt khác mức lương cơ bản hiện nay khoảng 1.490.000đ/tháng. Do đó Hội đồng xét xử cần buộc anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/1 con chung là phù hợp. Nếu sau này mức lương cơ bản tăng lên, giá cả thị trường thay đổi theo chiều hướng tăng lên. Anh Đ có nguồn thu nhập ổn định thì chị X có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo chiều hướng tăng lên là phù hợp.

- Về tài sản chung; nợ chung: Chị X khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn anh Đ không có ý kiến gì. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì được quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị X là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Đ phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hương X.

- Cho chị Nguyễn Thị Hương X được ly hôn với anh Lê Tấn Đ.

2. Về con chung: Giao hai con chung của anh chị tên Lê Nguyễn Bảo N, sinh ngày 04/5/2017 và Lê Nguyễn Khang V, sinh ngày 16/8/2019 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Đ được quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn theo quy định pháp luật.

Buộc anh Đ cấp dưỡng nuôi hai con chung của anh chị tên Ngọc và tên Vương mỗi tháng 1.000.000 đồng/1 con chung.

Thời gian cấp dưỡng: Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi hai con chung anh chị đủ 18 tuổi và lao động được.

Kể từ ngày chị X có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Đ chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị X phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000618, ngày 26/4/2021 của Cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Anh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị X và anh Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm lại vụ án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2, Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND thị trấn B, huyện Cái Bè;
- Đường sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

PHẠM THANH DŨNG